MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ RÚT NGẮN THỜI GIAN ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TRÊN THẾ GIỚI

TS. LÊ ĐÔNG PHƯƠNG
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Từ khi giáo dục đại học hiện đại được hình thành với các đặc điểm tổ chức như hiện nay, các trình độ đào tạo khác nhau được thiết lập theo khung thống nhất thì vấn đề thời lượng đào tạo luôn là chủ đề thảo luận của cả các nhà quản lí cũng như những người làm công tác giảng dạy. Trong đà phát triển của xã hội nói chung và áp lực của hệ thống kinh tế nói riêng, rút ngắn hay kéo dài thời gian đào tạo của đại học là một vấn đề rất được quan tâm.

Các quan điểm ủng hộ rút ngắn thời gian đào tạo đại học có thể được khái quát lại như sau:

- Giảm áp lực các vấn đề về quản lí và tài chính trong các cơ sở giáo dục đại học;
- Thông qua một hệ thống học tập cường độ cao khuyến khích những người không đủ năng lực rút lui khỏi giáo dục đại học để tạo môi trường tốt hơn cho những người có năng lực;
- Chương trình đào tạo ngắn hơn sẽ tốt hơn cho những sinh viên trưởng thành;
- Chương trình đào tạo ngắn hơn sẽ có hiệu quả hơn.

Các quan điểm chống lại rút ngắn thời gian đào tạo bao gồm:

- Thay đổi về thời lượng đào tạo có thể sẽ làm khác biệt so với các hệ thống khác;
- Thời lượng đào tạo không chỉ phụ thuộc vào việc học mà nghiên cứu cũng đóng một phần quan trọng;
- Rút ngắn thời gian đào tạo sẽ làm cho sinh viên không được trải nghiệm "cuộc sống sinh viên" bao gồm các câu lạc bộ, hội đoàn và tổ chức khác như vốn có;
- Áp lực của các hệ giáo dục khác đòi hỏi phải có chương trình đào tạo sâu hơn, dài hơn.

Sau đây, bài viết này xin đưa ra một số kinh nghiệm về rút ngắn đào tạo đại học trên thế giới hiện nay.

2. Một số kinh nghiệm về rút ngắn đào tạo đại học trên thế giới

2.1. Giảm bớt thời lượng đào tạo

Giảm bớt thời lượng đào tạo gây nhiều tranh cãi vì nó liên quan tới nội dung chương trình và cách thức tổ chức thực hiện chương trình. Nếu như chương trình giáo dục đại học được bố trí theo kết cấu chương trình cốt lõi và chương trình chuyên môn thì phần chương trình cốt lõi thường phản ánh triết lí giáo dục của nhà trường về những kiến thức và kĩ năng mà sinh viên tốt nghiệp cần có được trong khi đó chương trình chuyên môn lại phản ánh những năng lực chuyên môn cần đạt được trong lĩnh vực sinh viên theo học. Vì vậy, việc giảm bớt thời gian đào tạo sẽ dễ rơi vào phần chương trình lõi[1].

Năm 1999, Đại học Chicago đã điều chỉnh số môn học thuộc chương trình lõi từ 21 xuống còn 15 và mở rộng phạm vi nội dung của các môn học này. Tuy bị công chúng và nhiều học giả phản đối nhưng các nhà quản lí giáo dục lại cho rằng đây là một cách để thích ứng với "những thanh niên 18 tuổi bình thường". Theo Giáo sư Hugo Sonnenschein, nguyên hiệu trưởng Đại học Chicago (Hoa Kì), việc làm này đã thực sự thu hút được sinh viên và giải quyết được các vấn đề cấp bách về tài chính và học thuật[2]. Xét về kiến thức của thanh niên hiện nay, khi mà công nghệ thông tin và truyền thông đã phổ biến, khi lớp trẻ có điều kiện tiếp cận với một khối lượng kiến thức khổng lồ mà các thế hệ đi trước không có được, thì rõ ràng việc cung cấp phần kiến thức cơ bản trong giáo dục đại học cần được cân nhắc, đánh giá lại.

Trong khi tình hình kinh tế chung có nhiều biến động, khủng hoảng kinh tế lan rộng, chính phủ các nước phải cắt giảm ngân sách công nói chung và ngân sách dành cho giáo dục nói riêng thì câu chuyện điều chỉnh thời lượng trong các chương trình giáo dục đại học lại được hâm nóng lại. Một trong những nước đầu tiên trên thế giới thử nghiệm rút ngắn thời lượng đào tạo là Anh Quốc. Ngay từ đầu những năm 90, một số trường đại học Anh Quốc đã bắt đầu rút ngắn thời gian đào tạo cử nhân từ ba năm xuống hai năm.

Đại học Buckingham, Anh Quốc, đã rút ngắn thời gian học bằng cách bố trí lại lịch học trong năm để tăng thời lượng học tập, đảm bảo sinh viên sau hai năm vẫn hoàn thành đủ 360 tín chỉ (với bốn kì học/năm (9-10 tuần một kì)[3]. Học ngắn hơn có nghĩa là sinh viên sẽ phải chi phí ít hơn cho việc học, nhanh chóng có bằng và có việc làm sớm hơn so với những người học các chương trình thông thường. Rút ngắn thời gian đào tạo xuống hai năm còn có nghĩa là sinh viên có thời gian học thêm các chương trình khác/trình độ cao hơn. Đại học Staffordshire đã cung cấp

---

[1] Meyer, Meredith (October 31, 2004), "Gradual changes define the University", Chicago Maroon.

[2] Menashi, Steven (January 13, 1999),"Doing it the Chicago Way". The Dartmouth Review.

[3] Buckingham University, "The Two-Year Degree" tham khảo tại http://www.buckingham.ac.uk/about/twoyear.

song song chương trình hai năm (fast-track) và chương trình ba năm bình thường. Trong chương trình hai năm, kì nghỉ hè được chuyển thành một "học kì" (block). Chương trình học trong vụ hè được tiến hành theo kiểu học kết hợp (blended learning) trực diện và từ xa[4],[5].

Năm 2003, trong Sách trắng "Tương lai của giáo dục đại học", Chính phủ Anh đã nhấn mạnh đến yêu cầu về tính linh hoạt cao hơn của các chương trình nhằm thỏa mãn nhu cầu của lực lượng sinh viên đa dạng. Sách trắng này cũng đã đề xuất việc thử nghiệm và đánh giá các chương trình cử nhân hai năm. Các chương trình thử nghiệm được gọi là chương trình tăng tốc (accelerated degree programmes).

2.2. Áp dụng các môn/khóa học cấp tốc

Một cách khác để rút ngắn thời gian đào tạo được nhiều trường đại học áp dụng là các môn/khóa học cấp tốc. Các khóa học rút ngắn thời gian (intensive or time-shortened courses) đang dần trở thành một điều phổ biến tại các trường đại học và cao đẳng nước ngoài. Ban đầu, các khóa học rút ngắn thời gian này được tiến hành trong học kì hè hay những kì nghỉ kéo dài nhằm đáp ứng yêu cầu học tập của sinh viên khi không có đủ giáo viên chuyên môn[6]. Các môn/khóa học cấp tốc thường được tổ chức ngoài khung thời gian của các học kì truyền thống nhằm đáp ứng yêu cầu học tập của những sinh viên không truyền thống (người lớn đã đi làm), những người không thể bố trí theo học các môn/khóa học thông thường. Dần dần, người ta thấy rằng các môn học cấp tốc đó có những ưu thế nhất định, nhất là khi tỉ lệ sinh viên phi truyền thống và bán phần thời gian trong các cơ sở giáo dục đại học ngày càng tăng. Nhiều nghiên cứu cho thấy rằng kết quả học tập của sinh viên trong các môn/khóa học cấp tốc không có khác biệt so với các môn/khóa học bình thường. Thậm chí, sự lo ngại của các giảng viên về trải nghiệm học tập thực sự của sinh viên trong các môn/khóa học này cũng không phải là vấn đề lớn[7].

Các nghiên cứu về các khóa học cấp tốc cho thấy chương trình đào tạo không làm ảnh hưởng tới chất lượng học thuật. Hầu hết các chương trình đào tạo đều có thể áp dụng đào tạo cấp tốc vì ưu điểm của chúng là tính tiện lợi, sự tham gia tích cực của sinh viên, cũng như các kĩ thuật dạy học sáng tạo. Nhược điểm của các khóa học cấp tốc là sự căng thẳng, mệt mỏi và thiếu thời gian chuẩn bị bài. Để chuẩn bị tốt cho các khóa học cấp tốc đòi hỏi kế hoạch tốt, các hoạt động tổ chức và cấu trúc tốt, tập trung vào các mục tiêu học tập và đánh giá chính xác.

2.3. Học trước các môn học đại học

Chương trình học trước các môn học đại học (advanced placement program) là một cách làm phổ biến tại Hoa Kì và Canada. Học sinh trung học có thể học các môn học đã được trường đại học và các trường trung học thống nhất trong hai năm cuối của trung học (tương đương lớp 11 và lớp 12 của hệ thống giáo dục phổ thông). Kết quả của các môn học này sẽ được sử dụng khi xét tốt nghiệp đại học nếu các em vào học tại trường đại học chấp nhận các môn học đó[8]. Nhờ vậy, chương trình học trong trường đại học có thể được rút ngắn đáng kể.

2.4. Xác nhận kết quả học tập lúc trước

Xác nhận kết quả học tập lúc trước (recognition of prior learning) là một phương thức để người học có thể rút ngắn thời gian học tập. Theo phương thức này, người học sẽ trình cho nhà trường các bằng chứng về những môn học/khóa học hoặc các chương trình bồi dưỡng đã từng theo học. Các cơ sở đào tạo sẽ căn cứ vào đó để miễn hoặc giảm trừ nội dung học tập cho từng sinh viên cụ thể. Nhờ vậy, sinh viên sẽ cắt giảm được thời gian đào tạo, tránh phải nhắc lại những nội dung đã biết. Hiện nay, cách làm này khá phổ biến trong các hệ thống giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới. Hầu như tất cả các nước công nghiệp đều đã luật hóa việc xác nhận kết quả học tập lúc trước trong tổ chức đào tạo đại học.

2.5. Đào tạo liên thông

Đào tạo liên thông cũng là một phương thức đào tạo được tận dụng để rút gọn chương trình đào tạo. Mục tiêu của đào tạo liên thông là thực hiện nguyên tắc "Giáo dục như một sự trưởng thành", tức là đã học/có kết quả học tập rồi thì không phải học lại. Điều này nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả đào tạo không chỉ đối với cá nhân mà còn toàn xã hội, nhờ việc tiết kiệm thời gian tham gia quá trình đào tạo của người học, người học có thể tham gia lao động để tạo ra thu nhập cho bản thân và xã hội, tiết kiệm các chi phí cho đào tạo của cá nhân và xã hội. Đào tạo liên thông còn tạo ra sự đáp ứng nhanh của cung với cầu trên thị trường lao động. Trong nền kinh tế thị trường cộng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, cầu lao động được đào tạo thường biến đổi nhanh chóng về ngành nghề đào tạo và nhu cầu ngày càng cao về trình độ lao động được đào tạo. Liên thông không chỉ giúp người lao động đáp ứng nhanh việc nâng trình độ hay chuyển đổi ngành nghề sau đào tạo, mà trong một số trường hợp

[4] Staffordshire University,"Accounting and Finance (Two-year Fast-track)" tham khảo tại http://www.staffs.ac.uk/courses_and_study/courses/accounting-and-finance-twoyear-fasttrack-tcm4213254.jsp

[5] BBC, "Staffordshire University defends its two year degrees" tham khảo tại http://news.bbc.co.uk/local/stoke/hi/people_and_places/newsid_9080000/9080029.stm

[6] Các trường đại học Nhật bản có khá nhiều môn học cấp tốc dạng này (hai tuần) để có thể bố trí mời được các giáo sư có uy tín của trường khác đến giảng dạy tại trường trong những đợt nghỉ dài ngày hay trong thời gian chuyển học kì khi mà sinh viên về cơ bản ít phải lên lớp.

[7] Scott, P.A. & Conrad, C.E. (1991). A critique of intensive courses and an agenda for research. (ERIC Document Reproduction Service No. ED 337 087).

[8] College Board, "The History of the AP Program" tham khảo tại collegeboard.com và DiYanni, Robert (2008),"The History of AP Program". Tham khảo tại collegeboard.com

do lựa chọn ngành đào tạo lần đầu không phù hợp với sở trường có thể chuyển ngành/chuyển trường trong quá trình chưa kết thúc quá trình đào tạo ban đầu mà vẫn kế thừa được các kết học tập đã có.

Ở Châu Âu, hệ thống tích lũy và chuyển đổi tín chỉ Châu Âu (European Credit Transfer and Accumulation System-ECTS) là sáng kiến của 40 Bộ trưởng Giáo dục các nước Châu Âu được đưa ra tại Hội nghị Bologna năm 1999. Sáng kiến này được nêu lên trong một văn bản được gọi là Tuyên ngôn Bologna gồm sáu điều khoản, tạo điều kiện cho sự lưu chuyển của sinh viên thông qua sự công nhận văn bằng lẫn nhau của các trường, thúc đẩy sự hợp tác của Châu Âu trong vấn đề đảm bảo chất lượng và tạo ra một không gian giáo dục đại học chung cho châu Âu. ECTS là kết quả của Tiến trình Bologna, với nội dung chính là thông qua một hệ thống văn bằng dễ đọc và có thể so sánh được với nhau nhằm thúc đẩy học tập suốt đời. Hệ thống này đã tạo điều kiện cho sự công nhận thời gian học tập tại nước ngoài và qua đó nâng cao chất lượng cũng như mức độ lưu chuyển của sinh viên ở Châu Âu.

Bộ Giáo dục, Khoa học và Đào tạo Australia cũng khuyến khích cơ chế chuyển đổi tín chỉ từ giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học nhằm phát triển nhanh chóng lực lượng lao động. Cả chính phủ và các cơ sở đào tạo đều hỗ trợ việc chuyển đổi tín chỉ này, xem chuyển đổi tín chỉ từ giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học như một lĩnh vực ưu tiên và có những chế độ hỗ trợ cụ thể, cụ thể hóa bằng chính sách quốc gia và có hướng dẫn thống nhất về việc chuyển đổi tín chỉ[9].

Tại Hoa Kì, các trường đại học và cao đẳng, các cơ sở đào tạo khác cũng có những thỏa thuận liên thông song phương hay đa phương để các cơ sở có thể tiếp nhận, chấp nhận kết quả học tập tại các cơ sở khác khi xét công nhận tốt nghiệp của sinh viên.

2.6. Thiết kế các chương trình đại học ngắn hạn

Thiết kế các chương trình đại học ngắn hạn là một trong các chiến lược để đáp ứng diện sinh viên đa dạng hơn. Nhiều nước đã cố ý thiết kế các chương trình đào tạo đại học ngắn hạn, ví dụ như chương trình cao đẳng ngắn hạn của Hà Lan. Các trường đại học và nghề của Pháp có các văn bằng như kĩ thuật viên bậc cao (higher technical diploma), diploma kĩ thuật, diplôme d'études universitaires en sciences et techniques (DEUST). Tại Đan Mạch, cũng có bốn loại hình trường đại học bao gồm (1) Các học viện hay trường chuyên nghiệp cung cấp các chương trình ngắn hạn, (2) Cao đẳng đại học (University Colleges) cung cấp các chương trình hạn vừa (3) Các trường đại học cung cấp các chương trình dài hạn (4) Các trường nghệ thuật.

Anh Quốc cũng có nhiều loại hình đào tạo đại học ngắn hạn. Chứng chỉ giáo dục đại học (Higher Education Certificates) tương đương năm đầu tiên của giáo dục đại học, sau khi hoàn thành 120 tín chỉ của chương trình đại học. Các Diploma đại học quốc gia (Higher National Diplomas, HND) với chương trình hai năm tập trung chủ yếu vào nội dung nghề nghiệp. Sau khi học xong HND, người học có thể học tiếp năm thứ hai của chương trình cử nhân. Bên cạnh đó, còn có Diploma đại học (Diplomas of Higher Education[10]) tương tự như HND nhưng có tính chuyên nghiệp cao hơn và tương đương hai năm đầu tiên của chương trình cử nhân. Năm 2001, Anh Quốc đã đưa ra loại hình mới là Bằng cơ sở (Foundation degrees) là một văn bằng tương đương hai năm đầu của đại học nhằm tạo ra một "phân bổ phù hợp" về kĩ năng của nhân lực.

2.7. Thiết kế các chương trình đào tạo sử dụng tín chỉ

Một phương pháp để rút gọn thời gian đào tạo ở bậc đại học mà ít khi được điểm danh đến chính là cách thiết kế các chương trình đào tạo sử dụng tín chỉ. Thay vì thiết kế chương trình đào tạo từ phần cơ bản, cơ sở lên đến chuyên ngành các trường đại học thường thiết kế các khối kiến thức tương ứng, trong đó quy định các nhóm kiến thức cần được học thể hiện bởi các môn học. Điểm đặc biệt đáng lưu tâm là với các môn học gần giống nhau hay có nội dung đan xen nhiều người ta có thể chấp nhận các môn học thay thế/tương đương khi xét kết quả quá trình đào tạo. Cả cơ sở đào tạo cũng như người học có thể tính toán làm sao đảm bảo được khối kiến thức theo yêu cầu mà không đòi hỏi người học phải học quá nhiều môn học. Như vậy, chương trình đào tạo có thể được rút ngắn phần nào và lại giảm được chi phí của nhà trường nhờ không phải bố trí các môn học có quá ít người học. Thiết kế chương trình đào tạo như thế này còn buộc người thiết kế chương trình phải cân nhắc thật kĩ cần đưa ra những môn học mới nào và có thể tận dụng những môn học có sẵn nào.

3. Kết luận

Có nhiều cách để rút gắn thời gian đào tạo ở bậc đại học. Có những cách thức có thể áp dụng được ở cấp độ cá nhân người học (học liên thông, sử dụng kết quả học tập lúc trước, hay học trước các môn học đại học) hoặc cấp độ nhà trường (các môn học cấp tốc, đào tạo liên thông hay giảm bớt thời lượng chương trình đào tạo, chương trình đào tạo ngắn hạn). Tuy nhiên, để thực hiện được việc rút ngắn thời gian đào tạo có một số lưu ý:

- Mục đích của chương trình đào tạo là gì (kết quả đầu ra mong đợi ở người sinh viên tốt nghiệp)? Nếu như chương trình đào tạo là chương trình hàn lâm thì thiết kế chương trình sẽ khác với chương trình đào tạo nghiệp vụ (chuyên nghiệp) và như vậy, cách tiết giảm thời lượng sẽ có những điểm khác nhau.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có cần phải được

[9] PhillipsKPA (2006). Giving credit where credit is due - A national study to improve outcomes in credit transfer and articulation from vocational and technical education to higher education.

[10] Bắt đầu thực hiện từ 1972

cập nhật kiến thức thường xuyên không? Nếu có thì những kiến thức cần được cập nhật thường xuyên có thể được giảm bớt trong chương trình đào tạo vì khi người tốt nghiệp bắt đầu đảm nhận công việc độc lập thì kiến thức có thể đã phải được cập nhật mới. Nếu có những yêu cầu khác nhau đối với sinh viên tốt nghiệp thì việc thiết kế các chương trình đào tạo ngắn hạn có liên thông với các chương trình dài hạn sẽ là giải pháp tốt để thích ứng với các yêu cầu khác nhau về kĩ năng của lực lượng lao động (một hệ thống chứng chỉ và văn bằng tuần tự giúp người lao động có thể nâng cao trình độ khi cần).

- Chương trình đào tạo có tính đến yếu tố học tập suốt đời không? Khả năng ứng dụng các công nghệ đào tạo mới đến đâu? Khi trả lời được các câu hỏi này chúng ta sẽ có tiền đề để giải quyết cấu trúc chương trình và cách thức tổ chức thực hiện chương trình phù hợp hơn với cơ sở đào tạo và người học.

- Với kiến thức của người học khi bắt đầu vào học đã khác xa thực tế khi thiết kế các chương trình đào tạo cần xem xét lại khối kiến thức cơ bản và cơ sở để có những điều chỉnh phù hợp, tránh nhắc lại các kiến thức mà sinh viên đã có từ trước khi vào học đại học[11].

- Rút ngắn thời gian đào tạo phải lấy yếu tố chất lượng làm quyết định. Trên cơ sở yêu cầu về kết quả đầu ra (hay còn gọi là chuẩn đầu ra), các cơ sở đào tạo cần có quyền tự chủ nhất định trong quyết định về chương trình đào tạo thực của mình (hoặc áp dụng chung cho số lớn sinh viên hoặc áp dụng cho từng trường hợp riêng biệt).

- Mô hình đào tạo hiện đại không phân tách hình thức học[12]. Thiết kế các môn học như nhau cho các phương thức học tập khác nhau sẽ giúp người học và cơ sở đào tạo chủ động hơn trong bố trí chương trình đào tạo cụ thể trong những bối cảnh thời gian và không gian khác nhau.

- Đào tạo dựa trên tích lũy tín chỉ là một cách làm tốt nếu như cả cơ sở đào tạo và người học thật sự muốn tận dụng thế mạnh của hệ thống tín chỉ. Tuy nhiên, không nên quá ngại về tín chỉ vì thế giới có nhiều cách thực hiện "tín chỉ hóa" chương trình đào tạo.

SUMMARY

The article has touched upon the key experiences in relation to reducing the time for university training in the world, including, for instance, the reduction of the training time, study of university-level subjects in advance, articulated training, design of short-term training programs, application of credit-based training programs...

[11] Điển hình là các môn Tin học và Ngoại ngữ, những môn học mà 10 năm trước đây chúng ta thấy rất cần thì nay phần lớn học sinh THPT đã có được các kiến thức chúng ta định dạy cho các em.

[12] Thực tế là bản thân các chương trình chuyên tu, tại chức, từ xa... của chúng ta bây giờ cũng đã bao hàm nhiều các yếu tố của chương trình chính quy trong khi các chương trình chính quy cũng tích hợp nhiều thành phần của đào tạo không chính quy. Trên thế giới hiện nay người ta không phân biệt loại hình đào tạo khi cấp bằng tốt nghiệp.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN...

(Tiếp theo trang 46)

thể đánh giá về tính hiệu quả của các ứng dụng này một cách rõ nét trong việc nâng cao chất lượng học tập của các em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jonathan Anderson, *ICT transforming education*, Published by Asia and Pacific Regional Bureau for Education, UNESCO Bangkok, 2010.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Báo cáo tổng kết chương trình kết nối mạng giáo dục*, http://edu.net.vn ngày 18/12/2010.

3. *Đề án dạy tin học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở phổ thông*, Hà Nội, 2006 (dự thảo).

4. Đào Thái Lai và nhóm nghiên cứu, *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường phổ thông Việt Nam*, B2003-49-42TĐ, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2006.

SUMMARY

The article has touched upon the issue of applying information and communication technology (ICT) in teaching and learning in Vietnamese upper secondary schools. In particular, the author has presented the roles and general status of applying information and communication technology (ICT) in teaching and learning of several subject matters in upper secondary schools, including, for example, history, chemistry, biology...and put forth some assessments with regard to effectiveness of the application.assessments with regard to effectiveness of the application.

CÁO LỖI: Trong bài *"Thiết kế tình huống dạy học quy trình xác định hình chiếu của điểm thông qua "bài toán về lương"* đăng trên tạp chí Khoa học Giáo dục số 84, tháng 9 năm 2012 (trang 28 – 30), do sơ suất, chúng tôi đã bỏ sót tên hai tác giả là **Hoàng Văn Tài và Vũ Hữu Tuyên.** Thành thật xin lỗi các tác giả và bạn đọc.

BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ KHGD